

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08 /2012/QĐ-UBND

*Thái Nguyên, ngày 21 tháng 5 năm 2012*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ngân hàng chính sách xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Thông tư số 24/2005/TT-BTC ngày 01/04/2005 của Bộ Tài chính, về hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay của Quỹ quốc gia về việc làm;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xử lý nợ bị rủi ro của ngân hàng chính sách xã hội;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 724/CV-QLNS ngày 14/5/2012, ý kiến thẩm định văn bản của Sở Tư pháp Thái Nguyên tại Công văn số 112/STP-XDVB ngày 19/4/2012,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

*(Có Quy chế chi tiết kèm theo Quyết định này)*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 20/2011/QĐ-UBND ngày 20/4/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Lao động Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Thái Nguyên, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Dương Ngọc Long**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 08/2012/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

## **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.**

Quy chế này quy định việc tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2.** Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Thái Nguyên (NHCSXH) có trách nhiệm quản lý, sử dụng Nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương đúng mục đích, đúng đối tượng có hiệu quả theo đúng các quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

**Điều 3.** Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng, tham ô, chây ì không trả nợ gốc, lãi và sử dụng vốn từ Ngân sách địa phương không đúng mục đích. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật. Riêng các trường hợp vay vốn bị rủi ro được xử lý theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Quy chế này.

## **Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Cơ chế tạo lập nguồn vốn**

Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu về xóa đói, giảm nghèo và tạo việc làm, khả năng của ngân sách địa phương Sở Tài chính chủ trì phối hợp với NHCSXH tỉnh và các cơ quan có liên quan đề xuất trình UBND tỉnh quyết định bổ sung nguồn vốn từ ngân sách địa phương để cho hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác trên địa bàn tỉnh vay vốn.

### **Điều 5. Đối tượng cho vay**

1. Đối tượng vay vốn để giải quyết việc làm theo Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý, điều hành vốn cho vay

của Quỹ quốc gia về việc làm và Quyết định số 15/2008/QĐ-TTg ngày 23/01/2008 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005 (Sau đây gọi chung là Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi).

2. Đối tượng vay vốn là hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các đối tượng khác theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh nhưng phải phù hợp với Nghị định 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách xã hội.

Đối tượng cho vay quy định tại Điều này gọi chung là Người vay.

### **Điều 6. Phương thức cho vay**

Nguồn vốn nhận ủy thác tại địa phương là nguồn vốn bổ sung nhằm cùng với nguồn vốn của Trung ương đẩy nhanh việc xoá đói, giảm nghèo tại địa phương. Các đối tượng cho vay mà nguồn vốn Trung ương đã đáp ứng đủ thì không sử dụng cho vay bằng nguồn vốn này. NHCSXH nơi nhận ủy thác cần cân đối nguồn vốn, xác định rõ đối tượng vay vốn là hộ gia đình, cá nhân hay cơ sở sản xuất kinh doanh để cho vay theo hai phương thức sau:

1. Đối với hộ gia đình, cá nhân vay vốn: Áp dụng phương thức cho vay ủy thác từng phần qua các tổ chức Chính trị - xã hội (Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) trên cơ sở thiết lập các tổ tiết kiệm và vay vốn ở thôn, bản như cơ chế cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

2. Đối với cơ sở sản xuất kinh doanh: Thực hiện cho vay trực tiếp tại NHCSXH cấp tỉnh, cấp huyện.

### **Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay.**

Vốn vay được dùng để mua sắm vật tư, máy móc, thiết bị, mở rộng nhà xưởng; phương tiện vận tải, nhằm mở rộng, nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh, mua sắm nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, và các nội dung khác nhưng phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 8. Thời hạn cho vay**

Theo quy định hiện hành và căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay; chu kỳ sản xuất, kinh doanh để quy định thời hạn cho vay, cụ thể có các loại sau:

1. Cho vay ngắn hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay từ 01 đến 12 tháng.

2. Cho vay trung hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 12 tháng đến 60 tháng.

3. Cho vay dài hạn là các khoản vay có thời hạn cho vay từ trên 60 tháng.

### **Điều 9. Điều kiện để được vay vốn**

Theo quy định của pháp luật hiện hành và Hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội Trung ương, cụ thể:

1. Đối với Người vay là hộ nghèo phải có địa chỉ cư trú hợp pháp và phải có trong danh sách hộ nghèo của UBND cấp xã theo chuẩn nghèo do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội công bố, được tổ tiết kiệm và vay vốn bình xét, lập thành danh sách có xác nhận của UBND cấp xã (phường, thị trấn).

2. Người vay là các đối tượng chính sách khác thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

### **Điều 10. Nguyên tắc tín dụng**

1. Người vay phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

2. Người vay phải trả nợ cả gốc và lãi đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng vay vốn.

### **Điều 11. Cơ chế cho vay.**

Mức cho vay tối đa, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, thu nợ, thu lãi thực hiện theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của NHCSXH. Cụ thể:

1. Đối với cho vay giải quyết việc làm thực hiện theo quy định hiện hành (hiện nay đang thực hiện theo Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg đã sửa đổi, bổ sung)

2. Đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác cho vay theo các quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và theo quy trình, thủ tục, hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hiện hành của NHCSXH.

3. Đối với đối tượng chính sách khác theo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh thì căn cứ vào các quy định của pháp luật và các hướng dẫn cho vay hiện hành để áp dụng cho phù hợp.

### **Điều 12. Hạch toán, theo dõi**

1. Việc ghi chép, hạch toán kế toán, lập chứng từ kế toán đối với nguồn vốn ngân sách địa phương uỷ thác và dư nợ cho vay (bao gồm: vốn gốc, lãi, các khoản chi phí...)

được theo dõi riêng theo quy định của Bộ Tài chính và NHCSXH Việt nam tại từng thời điểm hiện hành.

2. Cơ quan Tài chính khi cấp tiền cho NHCSXH hạch toán vào tiểu mục 9501 (cho vay bằng nguồn vốn trong nước) theo Chương, Loại, Khoản, Mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước. Đồng thời mở sổ theo dõi cấp uỷ thác cho NHCSXH để tăng nguồn vốn tín dụng cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách xã hội khác trên địa bàn và thu hồi kinh phí khi đến hạn.

### **Điều 13. Phân phối và sử dụng lãi thu được từ nguồn vốn uỷ thác**

Lãi thu được từ nguồn vốn uỷ thác được sử dụng để chi trả các khoản chi phí theo mức quy định của pháp luật như: Phí uỷ thác; hoa hồng; trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; bù đắp chi phí hoạt động nghiệp vụ; chi phí quản lý của NHCSXH và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Số lãi còn lại sau khi trừ đi các chi phí thì được bổ sung vào nguồn vốn uỷ thác của địa phương.

Hàng năm Ngân hàng CSXH có trách nhiệm lập dự toán và báo cáo quyết toán việc sử dụng số lãi thu được từ nguồn vốn uỷ thác gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

### **Điều 14. Trích lập Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng**

Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được trích với tỷ lệ bằng tỷ lệ trích lập quỹ dự phòng rủi ro của NHCSXH tại thời điểm hiện hành theo các quy định của pháp luật.

### **Điều 15. Xử lý rủi ro tín dụng**

Phạm vi, nguyên tắc, biện pháp xử lý nợ bị rủi ro, thời điểm xem xét xử lý rủi ro, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý rủi ro, trình tự thực hiện xử lý rủi ro được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm phát sinh.

### **Điều 16. Về thẩm quyền xử lý rủi ro.**

Việc xử lý nợ rủi ro thuộc nguồn vốn vay uỷ thác của ngân sách cấp nào do chủ tịch UBND cấp đó xem xét quyết định xử lý theo thẩm quyền.

1. Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định việc khoan nợ, xoá nợ đối với nguồn vốn vay uỷ thác của ngân sách cấp tỉnh và các trường hợp xử lý rủi ro vượt quá thẩm quyền của chủ tịch UBND cấp huyện theo đề nghị của NHCSXH tỉnh và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính.

2. Chủ tịch UBND cấp huyện (huyện, thành phố, thị xã)

- Quyết định việc khoan nợ, xoá nợ cho khách hàng trên cơ sở đề nghị của giám đốc NHCSXH và ý kiến thẩm định của cơ quan tài chính cùng cấp áp dụng đối với trường hợp thuộc nguồn vốn uỷ thác cấp huyện và quy mô của đợt xoá nợ không vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập tại NHCSXH theo nguồn vốn uỷ thác của địa phương mình.

- Báo cáo chủ tịch UBND tỉnh xem xét, Quyết định xoá nợ (gốc, lãi) cho khách hàng đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá Quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập tại NHCSXH theo nguồn vốn uỷ thác.

### 3. Giám đốc NHCSXH cấp tỉnh.

- Tổ chức thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro.

- Quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng bị rủi ro xảy ra trên địa bàn tỉnh theo các quy định hiện hành.

- Tổng hợp, kiểm tra hồ sơ đề nghị xử lý gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ thuộc phạm vi của chi nhánh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### 4. Giám đốc NHCSXH cấp huyện, thành phố, thị xã.

- Thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro.

- Quyết định việc gia hạn nợ đối với khách hàng bị rủi ro xảy ra trên địa bàn theo các quy định hiện hành.

- Tổng hợp, kiểm tra hồ sơ pháp lý đề nghị xử lý gia hạn nợ, khoan nợ, xoá nợ trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định hồ sơ khoan nợ, xoá nợ trình chủ tịch UBND cùng cấp quyết định theo thẩm quyền.

### **Điều 17. Về nguồn vốn xử lý rủi ro**

- Nguồn vốn để xoá nợ gốc cho khách hàng được sử dụng từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng. Nếu quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được quy định tại Quy chế này không đủ bù đắp, thì Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định cấp kinh phí bù đắp hoặc giảm trừ nguồn vốn cho vay.

- Nguồn vốn để gia hạn nợ, khoan nợ cho khách hàng được tính trong tổng nguồn vốn uỷ thác hoạt động của NHCSXH.

- Trong thời gian gia hạn nợ, NHCSXH vẫn tính lãi, thu lãi đối với khách hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và theo chế độ quy định.

- Trong thời gian khoan nợ, NHCSXH không tính lãi, không thu lãi đối với khách hàng.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

#### **1. Sở Tài chính**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình HĐND bổ sung vốn cho NHCSXH trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách;

- Trường hợp đột xuất cần bổ sung vốn cho vay đối với các đối tượng CSXH, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định theo quy định của Luật NSNN;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư thực hiện kiểm tra tình hình và kết quả sử dụng vốn ngân sách uỷ thác; tại các đối tượng vay khi cần thiết.

- Chủ trì, phối hợp cùng Sở Lao động Thương binh và Xã hội thẩm định hồ sơ hộ nghèo vay vốn bị rủi ro theo tổng hợp đề nghị của NHCSXH, phúc tra và lập thủ tục xử lý báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

- Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi thu được theo Điều 12, Điều 13 của Quy chế này;

#### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội kiểm tra tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn uỷ thác.

#### **3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội**

- Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tình hình và kết quả cho vay từ nguồn vốn uỷ thác.

- Phối hợp cùng Sở Tài chính thẩm định hồ sơ hộ nghèo vay vốn bị rủi ro, phúc tra và lập thủ tục xử lý báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

#### **4. Các tổ chức Chính trị - xã hội**

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện uỷ thác cho vay;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng uỷ thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

### **5. Chi nhánh NHCSXH**

- Quản lý và sử dụng vốn uỷ thác theo đúng các quy định của pháp luật và quy định tại quy chế này;

- Thực hiện giải ngân, thu hồi nợ; sử dụng vốn thu hồi để cho vay quay vòng;

- Chủ động và phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định;

- Định kỳ hàng năm lập dự toán các khoản chi phí, cuối năm quyết toán các khoản chi phí gửi Sở Tài chính thẩm định.

- Định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện cho vay từ nguồn vốn uỷ thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính và Sở Lao động Thương binh và Xã hội.

- Tham mưu cho UBND tỉnh và phối hợp với các sở ban ngành có liên quan ban hành các quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn uỷ thác này.

### **6. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã**

Chỉ đạo các cơ quan chức năng các tổ chức chính trị-xã hội và Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện thực hiện đúng cơ chế, chính sách cho vay từ nguồn vốn uỷ thác và làm tốt công tác tuyên truyền, vận động và tạo điều kiện để thực hiện chính sách tín dụng đối với Người vay trên địa bàn. Chỉ đạo xây dựng Quy chế tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách huyện, thành phố, thị xã uỷ thác qua NHCSXH đảm bảo nguồn vốn được sử dụng đúng đối tượng, đúng chính sách chế độ và có hiệu quả.

### **7. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn**

- Chịu trách nhiệm xác nhận hồ sơ, đối tượng vay vốn;

- Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ;

- Xác nhận việc đề nghị của người vay đối với trường hợp xin gia hạn nợ, xử lý nợ rủi ro; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị cấp trên trong việc phúc tra, xác định hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

### **8. Trách nhiệm của người vay**

- Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.

- Hoàn trả gốc, lãi vốn vay đúng thời hạn theo quy định

- Trường hợp chây ỳ không trả nợ gốc, lãi và sử dụng vốn từ Ngân sách địa phương không đúng mục đích. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 19.** Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 20.** Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc các cơ quan, đơn vị, địa phương cần phản ánh kịp thời về Sở Tài chính tỉnh để phối hợp nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo sử dụng vốn uỷ thác đúng mục đích, có hiệu quả./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

*(Đã ký)*

**Dương Ngọc Long**